SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ĐỒNG NAI
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: 567/TB-TTBVTV-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2018

THÔNG BÁO
Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày
(Từ ngày 27/7 – 01/8/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,5 – 27,9°C; Cao nhất: 33°C; Thấp nhất: 22,0°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 78 – 87%; Thấp nhất: 524%.
- Tổng số giờ nắng: 45 – 49 giờ.
- Lượng mưa: 60 – 165 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn; trưa chiều mưa trên diện rộng, có mưa vừa, có nơi mưa to đến rất to và dông mạnh. Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Xuống giống 22.826 ha/22.185 ha, vượt 102,89% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: đòng (5.638 ha), trổ-chín (15.052 ha), thu hoạch (2.136 ha).

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110…

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Trái-thu hoạch	16.936/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Thu hoạch	10.950
Xoài	Phát triển thân lá	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Thu hoạch	4.051
Tiêu	Nuôi trái	17.087
Điều	Phát triển thân lá	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172
Khoai mì	Phát triển thân lá	10.826

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Các SVH chủ yếu: Bệnh đạo ôn lá DTN 642 ha giảm 79 ha, bệnh bạc lá (cháy bìa) DTN 491 ha giảm 28 ha, bệnh đạo ôn cổ bông DTN 304 ha tăng 131 ha, bệnh lem lép hạt DTN 377 ha tăng 268 ha, chuột DTN 162 ha giảm 25 ha.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp: SVH chủ yếu là đốm lá nhỏ DTN 147 ha tăng 4 ha, bệnh rỉ sắt DTN 73 ha tăng 18 ha, sâu đục thân DTN 66 ha giảm 4 ha.

- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 269 ha tăng 20 ha, bệnh loét DTN 42 ha giảm 18 ha.

+ Chôm chôm: Rệp sáp DTN 71 ha giảm 109 ha, bệnh thối quả DTN 223 ha giảm 15 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mủ DTN 459 ha giảm 17 ha, bệnh thối trái DTN 126 ha giảm 39 ha, bệnh nấm hồng DTN 184 ha tăng 18 ha.

- Cây công nghiệp:

+ Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 883 ha tăng 16 ha, bệnh chết chậm DTN 915 tăng 25 ha, có 104 ha nhiễm nặng, tuyến trùng DTN 534 ha có 5 ha nhiễm nặng.

+ Cây điều: Sâu đục thân, cành DTN 381 ha tăng 5 ha, bệnh nấm hồng DTN 134 ha giảm 4 ha, bệnh thán thư DTN 82 ha.

+ Cây mì: Bọ phấn DTN 1.269 ha tăng 686 ha, bệnh khảm lá virus DTN 84,2 ha tăng 3,1 ha so với kỳ trước, trong đó có 44,2 ha nhiễm nhẹ, 15 ha nhiễm trung bình, 25 ha nhiễm nặng. Diện tích nhiễm trên địa bàn các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Nhơn Trạch.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL – LXL, đạo ôn, bệnh bạc lá, sâu cuốn lá, bệnh lem lép hạt, chuột.

- Cây bắp: Chú ý sâu đục thân, bắp, đốm lá nhỏ.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mủ, bệnh thối trái, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh chảy gôm, bệnh loét (cây có múi); bệnh thối trái, rệp sáp (chôm chôm).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018, về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL-LXL hại lúa của Cục BVTV.

- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trên cây thanh long (đốm nâu), hồ tiêu (chết nhanh, chết chậm), điều (thán thư), thối trái (chôm chôm, sầu riêng).

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Người ký: Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật
Email: ccttbvtv@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 01.08.2018 10:43:01 +07:00

Nguyễn Công Tú

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 27/7 đến ngày 01/8/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GĐST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)		
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		266	3	0	**269**	0	*20.0*	*92.0*	283	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Trảng Bom
	Bệnh loét	Các giai đoạn	5 - 8		42	0	0	**42**	0	*-18.0*	*14.0*	110	Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Bệnh sẹo	Các giai đoạn	5 - 8		33	1	0	**34**	0	*-6.0*	*2.0*	14	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5		30	0	0	**30**	0	*0.0*	*16.0*	0	Định Quán
Chôm chôm	Bệnh thối quả	Thu hoạch	5		223	0	0	**223**	0	*-15.0*	*141.0*	25	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh cháy mép lá	Thu hoạch	10		84	3	0	**87**	0	*1.0*	*29.0*	23	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất, Tân Phú
	Rệp sáp	Thu hoạch	5 - 13		71	0	0	**71**	0	*-109.0*	*-88.0*	20	Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh muội đen	Thu hoạch	1 - 10		62	3	0	**65**	0	*3.0*	*41.0*	4	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		97	6	0	**103**	0	*45.0*	*-90.0*	40	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn	11		33	0	0	**33**	0	*33.0*	*-108.0*	30	Thống Nhất
Dừa	Bọ cánh cứng	Các giai đoạn	5	20	50	2	0	**52**	0	*52.0*	*52.0*	30	Nhơn Trạch
	Đuông	Các giai đoạn	10		26	0	0	**26**	0	*26.0*	*26.0*	30	Nhơn Trạch
Măng cụt	Bệnh chảy gôm quả	Thu hoạch	3 - 5		40	0	0	**40**	0	*0.0*	*40.0*	0	TX Long Khánh
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi quả	3 - 5		25	0	0	**25**	0	*5.0*	*25.0*	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chổi rồng nhãn	Bông-trái	7		35	0	0	**35**	0	*0.0*	*0.0*	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh chảy gôm	Các giai đoạn	5 - 10		459	0	0	**459**	0	*-17.0*	*284.0*	196	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành

	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	7 - 10		284	0	0	**284**	0	*11.0*	*199.0*	106	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	15		184	0	0	**184**	0	*18.0*	*130.0*	103	Tân Phú, Cẩm Mỹ
	Bệnh thối trái	Thu hoạch	2 - 5		126	0	0	**126**	0	*-39.0*	*-4.0*	50	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10		72	19	5	**96**	0	*0.0*	*5.0*	0	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Bệnh cháy lá	Các giai đoạn	7 - 10		243	0	0	**243**	0	*50.0*	*243.0*	50	Xuân Lộc, Định Quán
	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		178	0	0	**178**	0	*0.0*	*111.0*	0	Định Quán
Ca cao	Bọ xít muỗi	Lộc bông trái	10 - 17		32	0	0	**32**	0	*3.5*	*1.0*	30	Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh vệt sọc đen	Các giai đoạn	6		21	0	0	**21**	0	*21.0*	*12.0*	21	Thống Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		745	8	0	**753**	0	*4.0*	*203.0*	122	Cẩm Mỹ, Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		399	2	0	**401**	0	*4.0*	*192.0*	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15		213	14	0	**227**	0	*22.0*	*-99.0*	31	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		223	2	0	**225**	0	*-40.0*	*-75.0*	24	Định Quán, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Tân Phú
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13	3 - 5	461	0	0	**461**	0	*31.0*	*177.0*	0	Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	7 - 20		393	1	0	**394**	0	*-82.0*	*184.0*	155	Long Thành, Tân Phú, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh đốm lá	Các giai đoạn	10		40	0	0	**40**	0	*40.0*	*-10.0*	37	Thống Nhất
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 10		379	2	0	**381**	0	*5.0*	*68.0*	25	Cẩm Mỹ, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	4 - 16		134	0	0	**134**	0	*-4.0*	*26.0*	0	Cẩm Mỹ, Định Quán, Vĩnh Cửu
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10	25	74	8	0	**82**	0	*0.0*	*-81.0*	25	Trảng Bom, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	782	29	104	**915**	0	*25.0*	*363.0*	415	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định

													Quán
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 10		836	47	0	**883**	0	*16.0*	*35.0*	98	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất, Định Quán, Long Thành, Tân Phú, TX Long Khánh
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13	15 - 22	605	22	1	**628**	0	*-1.0*	*376.0*	16	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Định Quán, TX Long Khánh, Tân Phú
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	482	47	5	**534**	0	*-2.0*	*-249.0*	104	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 8	4 - 15	137	9	2	**148**	0	*4.0*	*65.0*	45	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
Mía	Sâu đục thân	Vươn lóng	5 - 10		34	0	0	**34**	0	*30.0*	*30.0*	0	Nhơn Trạch, Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bọ phấn	Các giai đoạn			1269	0	0	**1269**	0	*686.0*	*1,269.0*	9	Long Thành
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	3 - 90	30 - 80	44.2	15	25	**84.2**	0	*3.1*	*84.2*	72.3	Vĩnh Cửu, Định Quán, Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Bệnh vi khuẩn	Phát triển củ	5 - 10		35	0	0	**35**	0	*32.0*	*-115.0*	0	Nhơn Trạch, Trảng Bom
	Rệp sáp bột hồng	phát triển củ	10		4	0	0	**4**	0	*4.0*	*4.0*	4	Long Thành
Ngô (Bắp)	Đốm lá nhỏ	Trổ cờ-phun râu	15 - 20		147	0	0	**147**	0	*4.0*	*-27.0*	0	Long Thành, Cẩm Mỹ
	Bệnh rỉ sắt	Loa kèn	15		71	2	0	**73**	0	*18.0*	*-2.0*	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Sâu đục thân, bắp	Trổ cờ-phun râu	10		66	0	0	**66**	0	*-4.0*	*-78.0*	0	Cẩm Mỹ, Định Quán
	Bệnh đốm nâu	Trổ cờ-phun râu	20		52	0	0	**52**	0	*25.0*	*-3.0*	0	Long Thành
	Rệp ngô	Trổ cờ-phun râu	15		42	0	0	**42**	0	*-2.0*	*-29.0*	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Đòng trổ-chín	5 - 10		642	0	0	**642**	0	*-79.0*	*235.0*	356	Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đòng trổ-chín	8 - 20		491	0	0	**491**	0	*-28.0*	*11.0*	228	Xuân Lộc, TX Long Khánh, Nhơn Trạch, Tân Phú, Cẩm Mỹ
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	Đòng trổ-chín	6 - 10	12	317	60	0	**377**	0	*268.0*	*35.0*	412	Nhơn Trạch, Tân Phú, Vĩnh Cửu

	Bệnh đạo ôn cổ bông	Đòng trổ-chín	2 - 5		302	2	0	**304**	0	*131.0*	*-311.0*	358	Tân Phú, Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu
	Chuột	Đòng trổ-chín	3 - 5		162	0	0	**162**	0	*-25.0*	*77.0*	89	Nhơn Trạch, Tân Phú, Long Thành
	Bệnh khô vằn	Đòng trổ-chín	5 - 10		124	0	0	**124**	0	*18.0*	*-21.0*	74	Long Thành, Xuân Lộc, Nhơn Trạch
	Nhện gié	Đòng trổ-chín	10		101	0	0	**101**	0	*15.0*	*-20.0*	0	Nhơn Trạch, Long Thành
	Sâu cuốn lá nhỏ	Đòng trổ-chín	1 - 10		34	0	0	**34**	0	*-20.0*	*-46.0*	15	Cẩm Mỹ, Tân Phú
	Rầy nâu	Đòng trổ-chín	120		23	0	0	**23**	0	*-1.0*	*-17.0*	22	Xuân Lộc, Thống Nhất
	Ốc bươu vàng	Đòng trổ-chín	5		20	0	0	**20**	0	*-114.0*	*-214.0*	3	Định Quán, Thống Nhất
Bầu bí	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	2		6	0	0	**6**	0	*0.0*	*6.0*	6	Thống Nhất
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20	30	2	4	0	**6**	0	*1.0*	*0.0*	5	Nhơn Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	12	4	0	**16**	0	*3.0*	*16.0*	4	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	30		3	0	0	**3**	0	*1.0*	*-4.0*	2	Nhơn Trạch
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		15	3	0	**18**	0	*1.0*	*-10.0*	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	25	8	3.5	0	**11.5**	0	*-3.8*	*2.5*	6	Nhơn Trạch, Trảng Bom, Long Thành
Rau cải ăn lá	Sâu tơ	Các giai đoạn	4 - 10		20	0	0	**20**	0	*6.0*	*18.0*	14	Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú
	Bọ nhảy	Các giai đoạn	10 - 12		12.8	0	0	**12.8**	0	*4.4*	*-2.2*	6.8	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, TP Biên Hòa
	Bệnh héo xanh	Các giai đoạn	3 - 5	15	6	1	0	**7**	0	*0.0*	*-2.0*	2	Nhơn Trạch, Tân Phú
Rau cần nước	Bệnh đỏ lá	Các giai đoạn			5	0	0	**5**	0	*5.0*	*5.0*	5	Thống Nhất
	Sâu xanh	Các giai đoạn			5	0	0	**5**	0	*5.0*	*5.0*	5	Thống Nhất
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		3	0	0	**3**	0	*0.0*	*1.0*	0	Trảng Bom
Rau thập tự	Bọ nhảy	Các giai đoạn	15		1	0	0	**1**	0	*1.0*	*1.0*	1	TP Biên Hòa